

Số: 296 /TB-HVCSPT

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc công bố kết quả chấm xem xét lại điểm thi kết thúc học phần
tại đợt thi Giai đoạn 1, học kỳ I, năm học 2024-2025 của hệ Đại học**

Căn cứ đơn đề nghị xem xét lại điểm thi kết thúc học phần của sinh viên hệ đại học tại Giai đoạn 1, học kỳ I, năm học 2024-2025 và kết quả chấm bài của các cán bộ chấm thi, Học viện công bố kết quả chấm xem xét lại điểm thi theo Phụ lục đính kèm.

Đề nghị các Khoa, Viện quản lý sinh viên thông tin tới sinh viên và Phòng Quản lý đào tạo cập nhật lại điểm thi đối với các bài thi có kết quả chênh lệch so với điểm trước khi chấm phúc khảo./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc HV (để b/c);
- Các Khoa, Viện, P.QLĐT (để phối hợp t/h);
- Lưu: TC-HC, KT&ĐBCL (03 Bản).

**TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL**



TS. Phạm Ngọc Trụ



PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XEM XÉT LẠI ĐIỂM BÀI THI GIAI ĐOẠN 1, HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông báo số: 296 /TB-HVCSP ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
1	Tạ Kim Ngân	7123106053	KTĐN12	12	Đàm phán kinh tế quốc tế (ĐNĐP06)	Khoa Kinh tế quốc tế	7	7	0		
2	Bùi Quang Minh	7123106048	KTĐN12	12	Địa lý Kinh tế (QHĐL07)	Khoa Kinh tế phát triển	4	4	0		
3	Vương Thị Linh	7123106044	KTĐN 12	12	Địa lý Kinh tế (QHĐL07)	Khoa Kinh tế phát triển	2	2	0		
4	Hoàng Minh Anh	7123101081	Kinh tế đầu tư 12B	12	Địa lý Kinh tế (QHĐL07)	Khoa Kinh tế phát triển	3,3	3,3	0		
5	Nguyễn Minh Trang	7123403055	KTKT12A	12	Kê toán ngân hàng thương mại (KTNH01)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	6,5	6,5	0		
6	Lê Quỳnh Vân	7123403060	KTKT12A	12	Kê toán ngân hàng thương mại (KTNH01)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	5,5	5,5	0		
7	Hồ Nhật Huy	7123106545	Kinh tế đối ngoại CLC 12.1	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	5,5	5,5	0		
8	Hoàng Tiến Huy	7123106546	Kinh tế đối ngoại CLC 12.1	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	6,5	6,5	0		
9	Nguyễn Minh Hiền	7123106539	KTĐN.CLC.12.1	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	7,5	7,5	0		
10	Dương Thị Trà My	7123106565	KTĐN CLC12.2	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	6,0	6,0	0		
11	Nguyễn Khánh Linh	7123106562	K12.2	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	5,5	5,5	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
12	Vũ Mai Chi	7123106521	KTĐN CLC 12.1	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	6,5	6,5	0		
13	Lê Trần Huyền My	7123106566	Kinh tế đối ngoại CLC 12.2	12	Logistic và vận tải quốc tế (CLCLV14)	Viện Đào tạo Quốc tế	7	7	0		
14	Hà Kiều Trang	7123807112	LUKT12B	12	Pháp Luật cạnh tranh (LUKT23)	Khoa Luật Kinh tế	5,5	5,5	0		
15	Nguyễn Quang Trung	7123807116	LUKT12B	12	Pháp Luật cạnh tranh (LUKT23)	Khoa Luật Kinh tế	6,5	6,5	0		
16	Phạm Minh An	7123807002	LUKT12A	12	Pháp Luật cạnh tranh (LUKT23)	Khoa Luật Kinh tế	7	7	0		
17	Võ Kim Liên Anh	7123807006	LUKT12A	12	Pháp Luật cạnh tranh (LUKT23)	Khoa Luật Kinh tế	5,5	5,5	0		
18	Trần Xuân Khải	7123807025	LUKT12A	12	Pháp Luật cạnh tranh (LUKT23)	Khoa Luật Kinh tế	5	5,5	0,5	Chấm sót ý	
19	Trần Xuân Khải	7123807025	LUKT12A	12	Luật đầu tư quốc tế (LUKT17)	Khoa Luật Kinh tế	7	7,5	0,5	Chấm sót ý	
20	Hà Kiều Trang	7123807112	LUKT12B	12	Luật đầu tư quốc tế (LUKT17)	Khoa Luật Kinh tế	8	8,5	0,5	Chấm sót ý	
21	Đoàn Minh Trang	7123102065	QLC12	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,8	3,8	0		
22	Nguyễn Thùy Trang	7123102064	Quản lý công k12	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	6,5	6,5	0		
23	Tòng Khánh Huyền	7123102033	QLC12	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	3,5	3,5	0		
24	Nguyễn Thảo Uyên	7123102070	QLC12	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	8,5	8,5	0		
25	Trần Khánh Linh	7133402089	TC13B	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	6,5	6,5	0		
26	Nguyễn Thị Ngọc	7133402038	TC13A	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	7,5	7,5	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
27	Lê Thị Hải Yến	7123401152	QTMA12A	12	Quản trị bán hàng (QTBH01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,5	6,5	0		
28	Vũ Văn Hoá	7123401100	QTMA12A	12	Quản trị bán hàng (QTBH01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,4	6,4	0		
29	Phan Thái Thảo	7123401136	QTMA12A	12	Quản trị bán hàng (QTBH01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,2	6,2	0		
30	Nguyễn Thị Khánh Ly	7123401120	QTMA12A	12	Quản trị bán hàng (QTBH01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,6	6,6	0		
31	Trần Nguyệt Ánh	7123401005	Quản trị doanh nghiệp 12	12	Quản trị bán hàng (QTBH01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,8	6,8	0		
32	Trần Thị Thanh Hoa	7123106107	TMQT12A	12	Quản trị dự án đầu tư nước ngoài (ĐNQ17)	Khoa Kinh tế quốc tế	7,8	7,8	0		
33	Trần Thùy Linh	7123106174	TMQT12B	12	Quản trị Logistic kinh doanh (TMQT12)_3	Khoa Kinh tế quốc tế	8	8	0		
34	Nguyễn Minh Hòa	7123402011	TC12A	12	Quản trị rủi ro (ĐTRR06)	Bộ môn Đầu tư	5,8	5,8	0		Lỗi điểm K Tròn Hệ Thống QLĐT
35	Lê Ngọc Khánh	7123106548	KTĐN CLC 12.1	12	Tài chính quốc tế (CLCTC22)	Viện Đào tạo Quốc tế	7,5	7,5	0		
36	Nguyễn Minh Chi	7123106523	KTĐN CLC12.1	12	Tài chính quốc tế (CLCTC22)	Viện Đào tạo Quốc tế	7,8	7,8	0		
37	Phạm Toàn Định	7123106527	Kinh tế đối ngoại clc 12.1	12	Tài chính quốc tế (CLCTC22)	Viện Đào tạo Quốc tế	5,5	5,5	0		
38	Đỗ Quỳnh Anh	7123106503	Kinh tế đối ngoại clc 12.1	12	Tài chính quốc tế (TCQT12)	Viện Đào tạo Quốc tế	7,5	7,5	0		
39	Nguyễn Gia Minh	7123401126	QTMA12A	12	Tâm lý học quản trị kinh doanh (QTTL01)_3	Khoa Quản trị kinh doanh	5,4	5,4	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
40	Lý Duy Long	7123403043	Kế Toán - Kiểm Toán 12A	12	Thị trường chứng khoán (TCCCK25)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	1,6	2,1	0,5	Chấm sát ý	
41	Hoàng Thị Ngọc Ánh	7123401086	QTMA12A	12	Thị trường chứng khoán (TCCCK25)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	4,9	5,2	0,3	Chấm sát ý	
42	Phạm Mai Anh	7123105070	kế hoạch phát triển 12	12	Thị trường chứng khoán (TCCCK25)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	4,5	4,75	0,25	Chấm sát ý	
43	Đỗ Thị Thanh Vân	7123105064	KTPT12	12	Thị trường chứng khoán (TCCCK25)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	5,5	5,5	0		
44	Hoàng Thị Ngọc Ánh	7123401086	QTMA12A	12	Thuế (TCTH11)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	6	6,5	0,5	Chấm sát ý	
45	Dương Thị Phương Quyên	7123105089	KHPT12	12	Thuế (TCTH11)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	5,5	6	0,5	Chấm sát ý	
46	Nguyễn Trung Hiếu	71134201709	11.2 CLC	12	Thuế và hệ thống thuế (CLCTH16)	Viện Đào tạo Quốc tế	1,5	1,5	0		
47	Nguyễn Minh Duy	7123106530	KTDN 12.	12	Thuế và hệ thống thuế (CLCTH16)	Viện Đào tạo Quốc tế	3	3,5	0,5	Chấm sát ý	
48	Phạm Toàn Định	7123106527	Kinh tế đối ngoại clc 12.1	12	Thuế và hệ thống thuế (CLCTH16)	Viện Đào tạo Quốc tế	5	5,5	0,5	Chấm sát ý	
49	Lê Doãn Quý	7123105055	KTPT12	12	Truyền thông Marketing tích hợp (QTTT01)	Khoa Quản trị kinh doanh	4,3	4,3	0		
50	Đỗ Thùy Linh	7123401117	QTMA12A	12	Truyền thông Marketing tích hợp (QTTT01)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,8	7,8	0		
51	Nguyễn Thị Ly	7123401190	QTMA12B	12	Truyền thông Marketing tích hợp (QTTT01)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,6	7,6	0		
52	Nguyễn Lan Anh	7123401080	QTMA12A	12	Truyền thông Marketing tích hợp (QTTT01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,1	6,1	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
53	Nguyễn Gia Minh	7123401126	QTMA12A	12	Truyền thông Marketing tích hợp (QTTT01)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,5	6,5	0		
54	Đoàn Trọng Bằng	7133106093	TMQT13A	12	Vận tải quốc tế (QTTM05)	Khoa Kinh tế quốc tế	7,3	7,3	0		
55	Điêu Thị Diệu Ánh	7133807062	Luật Đầu tư Kinh doanh 13B	13	Công pháp quốc tế (LUKT13)	Khoa Luật Kinh tế	8	8	0		
56	Nguyễn Thành Long	7133807087	LUDT13B	13	Công pháp quốc tế (LUKT13)	Khoa Luật Kinh tế	6,5	6,5	0		
57	Trần Chiến Thắng	7133807101	LUDT13B	13	Công pháp quốc tế (LUKT13)	Khoa Luật Kinh tế	7	7	0		
58	Nguyễn Thanh Thảo	7133401196	QTMA 13B	13	Công pháp quốc tế (LUKT13)	Khoa Luật Kinh tế	8	8	0		
59	Bùi Nguyễn Anh Tú	7133807111	LUDT13B	13	Công pháp quốc tế (LUKT13)	Khoa Luật Kinh tế	3,5	4,5	1	Chăm sát ý	
60	Hà Thị Thu Hường	7133101205	ĐTDA13	13	Đấu thầu mua sắm 2 (QLMS04)	Bộ môn Đấu thầu	7,8	7,8	0		
61	Cao Nữ Linh Đan	7133101187	ĐTDA13	13	Đấu thầu qua mạng (QLQM08)	Bộ môn Đấu thầu	7	7	0		
62	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7133105003	KTPT	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	4,8	4,8	0		
63	Vũ Thị Ngọc Ánh	7133105006	KTPT13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,8	6,8	0		
64	Nguyễn Xuân Đạo	7133105007	K13KTPT	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,5	6,5	0		
65	Nguyễn Anh Đức	7133101102	KTĐT13B	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	4,8	4,8	0		
66	Nguyễn Trung Đức	7133105008	KTPT13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	7,5	7,5	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
67	Phùng Minh Hiếu	7133105012	KTPT13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,3	6,3	0		
68	Nguyễn Thị Huế	7133105014	Kinh Tế Phát Triển	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	5,6	5,6	0		
69	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	7133205038	QLC13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,2	6,2	0		
70	Đỗ Nguyễn Thùy Linh	7133105052	KHPT13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	7,7	7,7	0		
71	Trần Thị Loan	7133205046	QLC 13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,1	6,1	0		
72	Vũ Thị Lý	7133105022	KTPT13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	4,8	4,8	0		
73	Trần Thị Ánh Sao	7133101152	Đầu tư 13B	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	7,5	8	0,5	Chấm soát ý	
74	Phạm Thị Mỹ Tâm	7133101292	KTQLC13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	7,8	7,8	0		
75	Lê Mạnh Tùng	7133105080	Kế hoạch phát triển 13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	4,5	4,5	0		
76	Trần Phương Thảo	7133101295	KTQLC13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	3,9	3,9	0		
77	Nguyễn Thị Hoài Thương	7133101159	Đầu tư 13B	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,2	6,2	0		
78	Nguyễn Thị Thu Thúy	7133105032	Kinh tế phát triển 13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	5,8	5,8	0		
79	Đào Phương Anh	7133105001	KTPT13	13	Đầu tư công (KHCO09) 3	Khoa Kinh tế phát triển	6,5	6,5	0		
80	Vũ Lâm Oanh	7133106062	KTĐN13	13	Đầu tư quốc tế (ĐNQ15)	Khoa Kinh tế quốc tế	7,6	7,6	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
81	Ma Diệu Nga	7133401036	QTDN13	13	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh (TODL01)	Khoa Kinh tế số	4,8	4,8	0		Thi online
82	Đinh Thị Tuyết Nhung	7133401183	QTMA13B	13	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh (TODL01)	Khoa Kinh tế số	4,3	4,3	0		Thi online
83	Nguyễn Văn Bảo Uy	7133402119	TC13B	13	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh (TODL01)	Khoa Kinh tế số	8,3	8,3	0		Thi online
84	Bùi Ngọc Doanh	7133402129	Ngân hàng 13	13	Kế toán ngân hàng (TCKT05)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	0,5	0,5	0		
85	Phan Thị Nhân	7133402158	NH13	13	Kế toán ngân hàng (TCKT05)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	7,5	7,5	0		
86	Đặng Thúy Hằng	7133403054	KTKT13B	13	Kế toán quản trị (TCKQ01)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	1,2	1,2	0		
87	Nguyễn Thị Hiền	7133403010	KTKT13A	13	Kế toán quản trị (TCKQ01)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	4,2	4,2	0		
88	Đỗ Hương Giang	7133101105	ĐAUTU13B	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	6,3	6,5	0,2	Chấm soát ý	
89	Nguyễn Thị Hương	7133101121	Đầu tư 13B	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	6,8	6,8	0		
90	Thái Anh Thơ	7133101070	Đầu tư 13A	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	7	7	0		
91	Cao Thị Cẩm Tú	7133101167	Đầu Tư 13B	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	5,7	5,7	0		
92	Lê Cẩm Tú	7133101080	KTĐT13A	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	7	7	0		
93	Nguyễn Thị Thu Uyên	7133101170	DAUTU13B	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	5	5	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
94	Khổng Thị Ái Xuân	7133101087	KTĐT13A	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	6,4	8,4	2		
95	Nguyễn Thị Hải Yến	7133101088	Kinh tế Đầu tư 13A	13	Kế toán tài chính (TCKH04)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	6,3	6,3	0		
96	Nguyễn Bảo Linh	7133101274	KTQLC13	13	Kinh tế phát triển (KHKT07)	Khoa Kinh tế phát triển	6,8	6,8	0		
97	Lê Thị Kiều Oanh	7133101286	KTQLC 13	13	Kinh tế phát triển (KHKT07)	Khoa Kinh tế phát triển	7	7,5	0,5	Chăm sóc ý	
98	Dương Thị Phương Quyển	7123105089	KHPT12	13	Kinh tế phát triển (KHKT07)	Khoa Kinh tế phát triển	6,8	6,8	0		
99	Phạm Diễm Quỳnh	7123105090	Kế hoạch phát triển	13	Kinh tế phát triển (KHKT07)	Khoa Kinh tế phát triển	6,5	6,5	0		
100	Nguyễn Vũ Việt Anh	71131101023	KTĐT11B	13	Kinh tế vi mô 2 (KHMI03)	Khoa Kinh tế phát triển	1,5	1,5	0		
101	Phan Thị Nhật Linh	71134201067	Ngân hàng 11	13	Kinh tế vi mô 2 (KHMI03)	Khoa Kinh tế phát triển	2,5	2,7	0,2	Chăm sóc ý	
102	Trần Thị Bích Hậu	7133807017	LUDT13A	13	Kỹ năng soạn thảo văn bản (LUKT35)	Khoa Luật Kinh tế	7,5	7,5	0		
103	Bùi Minh Nghĩa	7133807032	LUDT13A	13	Kỹ năng soạn thảo văn bản (LUKT35)	Khoa Luật Kinh tế	7	7	0		
104	Điêu Thị Diệu Ánh	7133807062	Luật Đầu tư Kinh doanh 13B	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	7,8	7,8	0		
105	Hoàng Thị Yến Chi	7133807064	LUDT-13B	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	7	7	0		
106	Lương Công Đạt	7133807066	LUDT13B	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	7,8	7,8	0		
107	Lê Văn Dương	7133807068	LUDT 13B	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	7,8	7,8	0		
108	Hoàng Thị Mỹ Linh	7133807027	LUDT13A	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	7,5	7,5	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
109	Bùi Minh Nghĩa	7133807032	LUDT13A	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	7	7	0		
110	Trần Chiến Thắng	7133807101	LUDT13B	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	8	8	0		
111	Nguyễn Thị Thùy	7133807106	LUDT13B	13	Luật Tổ tụng Dân sự (LUKT11)	Khoa Luật Kinh tế	8	8	0		
112	Phạm Cẩm Ly	7133807030	LUDT13A	13	Lý thuyết Tài chính tiền tệ (TCTT02)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	7,5	7,5	0		
113	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7133112058	KTKDS13	13	Lý thuyết Tài chính tiền tệ (TCTT02)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	5,7	5,7	0		
114	Huỳnh Thị Mỹ Hoa	7143106409	KTĐN 14.1	13	Marketing quốc tế (CLCMR01)	Viện Đào tạo Quốc tế	5	5	0		
115	Đỗ Xuân Bách	7133402008	TC13A	13	Phân tích báo cáo tài chính (TCPT08)_3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	8	8,5	0,5	Chấm sót ý	
116	Đinh Đăng Mạnh	7133402034	TC13A	13	Phân tích báo cáo tài chính (TCPT08)_3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	7,5	8	0,5	Chấm sót ý	
117	Nguyễn Thị Son	7133402045	TC13A	13	Phân tích báo cáo tài chính (TCPT08)_3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	6,8	7,8	1	Chấm sót ý	
118	Đặng Xuân Trường	7133402170	Nh13	13	Phân tích báo cáo tài chính (TCPT08)_3	Khoa Tài chính - Ngân hàng	5,5	6,3	0,8	Chấm sót ý	
119	Nguyễn Xuân Đạo	7133105007	K13KTPT	13	Phân tích chi phí lợi ích (KTPT16)	Khoa Kinh tế phát triển	5	5	0		
120	Nguyễn Trung Đức	7133105008	KTPT13	13	Phân tích chi phí lợi ích (KTPT16)	Khoa Kinh tế phát triển	6,5	7	0,5	Chấm sót ý	
121	Nguyễn Thị Thảo Trang	7133401206	QTMA13B	13	Quan hệ công chúng (QTCC01)	Khoa Quản trị kinh doanh	8,5	8,5	0		
122	Phạm Hoàng Tuấn Kiệt	7133105016	KTPT13	13	Quản lý nhà nước về kinh tế (CSQL13)		6,3				Không có trong Giai đoạn thi này
123	Nguyễn Thị Ngọc	7133402038	TC13A	12	Quản lý tài chính công (TCCO21)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	7,5	7,5	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
124	Đỗ Xuân Bách	7133402008	TC13A	13	Quản trị chiến lược (QTCL01) 3	Khoa Quản trị kinh doanh	8,1	8,1	0		
125	Lương Mai Chi	7133401074	QTMA13A	13	Quản trị chiến lược (QTCL01) 3	Khoa Quản trị kinh doanh	7,7	8,1	0,4	Chăm sát ý	
126	Lê Thị Thu Hà	7133401157	QTMA13B	13	Quản trị chiến lược (QTCL01) 3	Khoa Quản trị kinh doanh	6,1	6,1	0		
127	Nguyễn Bảo Khánh	7133401168	QTMA13B	13	Quản trị chiến lược (QTCL01) 3	Khoa Quản trị kinh doanh	7,9	7,9	0		
128	Đinh Thị Tuyết Nhung	7133401183	QTMA13B	13	Quản trị chiến lược (QTCL01) 3	Khoa Quản trị kinh doanh	7,8	7,8	0		
129	Nguyễn Thanh Thảo	7133401196	QTMA 13B	13	Quản trị chiến lược (QTCL01) 3	Khoa Quản trị kinh doanh	7,5	7,5	0		
130	Phan Bá Công Đăng	7133401150	QTMA13B	13	Quản trị nhân lực (QTNL03)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,9	6,9	0		
131	Nguyễn Thị Hằng	7123112018	KTKDS12	13	Quản trị nhân lực (QTNL03)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,2	7,2	0		
132	Đàm Anh Tiến	7133401201	QTMA13B	13	Quản trị nhân lực (QTNL03)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,8	6,8	0		
133	Phạm Thị Diệp Linh	7133106517	KTĐN13	13	Tài chính doanh nghiệp (TCDN03)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	5,4	5,9	0,5	Chăm sát ý	
134	Nguyễn Văn Phú	7133401045	QTDN13	13	Tài chính doanh nghiệp (TCDN03)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	7,1	7,1	0		
135	Nguyễn Phương Thảo	7133401050	QTDN13	13	Tài chính doanh nghiệp (TCDN03)	Khoa Tài chính - Ngân hàng	6,7	6,7	0		
136	Trịnh Thị Ánh	7133106092	TMQT 13A	13	Tài chính quốc tế (TCQT13)	Viện đào tạo quốc tế	5,8	5,8	0		
137	Phan Thị Hồng Nhung	7133402101	TC13B	13	Tài chính quốc tế (TCQT13)	Viện đào tạo quốc tế	6,9	6,9	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
138	Võ Tá Dũng	7133101016	KTKDS13	13	Thiết kế website thương mại điện tử (KTKD04)	Khoa Kinh tế số	8	8	0		Thi online
139	Nguyễn Thị Trang	7133401204	QTMA13B	13	Thương mại điện tử (QTKD14)	Khoa Kinh tế số	6,6	6,6	0		
140	Ngô Thị Kiều Oanh	7133403076	KTKT13B	13	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp (TCKT31)	Khoa Kế toán - Kiểm toán	6,1	6,1	0		
141	Mai Thúy Quỳnh	7133112095	Kinh tế kinh doanh số 13	13	Truyền thông đa phương tiện (KTKD12)	Khoa Kinh tế số	6,5	9,3	2,8	—————	Thi online
142	Đỗ Bạch Dương	7133112011	Kinh tế kinh doanh số 13	13	Truyền thông đa phương tiện (KTKD12)	Khoa Kinh tế số	7	8,5	1,5	—————	Thi online
143	Nguyễn Hữu Thắng	7143106043	Thương mại quốc tế 15A	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	7,0	7,0	0		
144	Hoàng Thị Quỳnh Trang	7143403105	KETO14B	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	6,5	6,5	0		
145	Nguyễn Thảo Vi	7143101197	KTQLNNL14B	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	7,5	7,5	0		
146	Trần Văn Cường	7143106008	TMQT14A	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	7	7	0		
147	Nguyễn Thị Thu Huệ	7143401069	QTMA14B	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	7	7	0		
148	Nguyễn Thị Khánh Linh	7143101077	Kinh Tế Đầu Tư 14B	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	6	6	0		
149	Hoàng Thị Diệu Ly	7143402064	TC14B	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	7,0	7,0	0		
150	Nguyễn Duy Mạnh	7143112109	PTDL14	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	8,0	8,0	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
151	Bùi Quang Minh	7123106048	KTĐN12	14	Chính sách công (CSCS11)	Viện Chính sách công	6,5	6,5	0		
152	Nguyễn Yến Ngọc	7143101181	DATU14B	14	Chủ nghĩa xã hội khoa học (THCN06)_2	Bộ môn Lý luận chính trị	4,8	4,8	0		
153	Võ Hoài Phương	7143403041	KETO14A	14	Chủ nghĩa xã hội khoa học (THCN06)_2	Bộ môn Lý luận chính trị	6,4	6,4	0		
154	Phạm Ngọc Anh Thư	7143105089	KTPT14	14	Chủ nghĩa xã hội khoa học (THCN06)_2	Bộ môn Lý luận chính trị	5,6	5,6	0		
155	Trần Hạ Vy	7142201046	TAKT14A	14	Chủ nghĩa xã hội khoa học (THCN06)_2	Bộ môn Lý luận chính trị	7,5	7,5	0		
156	Nguyễn Thảo Anh	7143401122	QTDN14	14	Kinh tế lượng (TOKT05)	Khoa Kinh tế số	6,5	7,5	1	Chăm sát ý	
157	Bùi Thị Bình	7143401125	QTDN14	14	Kinh tế lượng (TOKT05)	Khoa Kinh tế số	7,5	7,5	0		
158	Phạm Thị Thái	7143112119	PTDL14	14	Kinh tế lượng (TOKT05)	Khoa Kinh tế số	7	8,5	1,5	Chăm sát ý	
159	Ngô Minh Quỳnh Anh	7143807055	LUDT14B	14	Kinh tế vĩ mô 1 (KHMA02)	Khoa Kinh tế phát triển	3,8	3,8	0		
160	Đặng Tiến Bình	7143106164	KTDN14B	14	Kinh tế vĩ mô 1 (KHMA02)	Khoa Kinh tế phát triển	6,5	6,5	0		
161	Phạm Mai Linh	7143105066	Kinh tế phát triển	14	Kinh tế vĩ mô 2 (KHMA04)	Khoa Kinh tế phát triển	4,5	4,5	0		
162	Bùi Yến Nhi	7143105033	KHPT14	14	Kinh tế vĩ mô 2 (KHMA04)	Khoa Kinh tế phát triển	8	8	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
163	Lương Việt Hà	7143807016	LUDT 14A	14	Luật Dân sự (LUKT09)	Khoa Luật Kinh tế	6,3	6,3	0		
164	Mai Văn Ngọc	7143807033	LUDT14A	14	Luật Dân sự (LUKT09)	Khoa Luật Kinh tế	5,5	5,5	0		
165	Phan Thị Hoàng Châu	7143101111	KTQLNNL14A	14	Marketing căn bản (QTMCO2)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,8	6,8	0		
166	Hà Thị Hợp	7143112095	PTDL14	14	Marketing căn bản (QTMCO2)	Khoa Quản trị kinh doanh	5,5	5,5	0		
167	Cao Thị Loan	7123101035	KtTĐT12A	14	Marketing căn bản (QTMCO2)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,9	6,9	0		
168	Lã Thị Mai	7143112107	PTDL14	14	Marketing căn bản (QTMCO2)	Khoa Quản trị kinh doanh	8	8	0		
169	Nguyễn Thảo Uyên	7123102070	QLC12	14	Marketing căn bản (QTMCO2)	Khoa Quản trị kinh doanh	6,1	6,1	0		
170	Trần Lê Thu Thảo	7143106197	KTĐN14B	14	Nguyên lý kế toán (TCKT01)	Viện Đào tạo Quốc tế	4,7	4,7	0		
171	Trịnh Quang Vinh	7143101253	DTDA14	14	Nguyên lý kế toán (TCKT01)	Viện Đào tạo Quốc tế	1	1	0		
172	Đỗ Thị Bình	7143402005	TC14A	14	Nguyên lý kế toán (TCKT01)	Viện Đào tạo Quốc tế	8	8	0		
173	Đặng Thị Anh Đào	7143807062	LUDT14B	14	Nguyên lý kế toán (TCKT01)	Viện Đào tạo Quốc tế	6,9	6,9	0		
174	Trần Đức Nam	7143106189	KTDN14B	14	Nguyên lý kế toán (TCKT01)	Viện Đào tạo Quốc tế	6,4	6,4	0		
175	Nguyễn Thị Kim Anh	7143403002	KETO14A	14	Quản trị học (QTHO06)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,6	7,6	0		
176	Kiều Thị Khánh Ly	7143105029	KHPT14	14	Quản trị học (QTHO06)	Khoa Quản trị kinh doanh	4,6	4,6	0		
177	Nguyễn Thị Kiều Phương	7143106096	TMQT14B	14	Quản trị học (QTHO06)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,4	7,4	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
178	Phạm Tăng Thái	7143401042	QTMA14A	14	Quản trị học (QTHO06)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,8	8,3	0,5	Chăm sát ý	
179	Nguyễn Quang Thắng	7123401056	QTDN12	14	Quản trị học (QTHO06)	Khoa Quản trị kinh doanh	7,8	7,8	0		
180	Phạm Khánh Dư	7143106068	TMQT14B	14	Tiếng Anh cơ bản 4 (TACB04)	Bộ Môn Ngoại ngữ	6,3	6,3	0		
181	Lương Việt Hà	7143807016	LUDT 14A	14	Toán cao cấp (TOCC05)	Khoa Kinh tế số	2,0	2,0	0		
182	Ma Huy Hùng	71131105045	KTPT11	14	Toán cao cấp (TOCC05)	Khoa Kinh tế số	0,5	0,5	0		
183	Phạm Hoàng Lân	7142201066	TAKT14B	14	Toán cao cấp (TOCC05)	Khoa Kinh tế số	8	8	0		
184	Nguyễn Thị Trang	7143401237	QTDL14	14	Toán cao cấp (TOCC05)	Khoa Kinh tế số	5,5	5,5	0		
185	Mai Kim Dung	7143401127	QTDN14	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	6,1	6,1	0		
186	Trần Văn Hà	7143401012	QTMA14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	7	7	0		
187	Nguyễn Khánh Huyền	7143807024	LUDT14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	7,2	7,2	0		
188	Nguyễn Thị Linh	7143401078	QTMA14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	5,4	5,4	0		
189	Phạm Thùy Linh	7143403025	KETO14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	4,3	4,3	0		
190	Vũ Thùy Linh	7143105026	KHPT14	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	5	5	0		
191	Lê Thị Thảo My	7143401085	QTMA14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	6,2	6,4	0,2	Chăm sát ý	
192	Vũ Đình Thảo Phương	7143403042	KETO14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	5,8	5,8	0		

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Thi với khóa	Tên học phần	Khoa/ Viện/ Bộ môn	Điểm thi trước khi xem xét	Điểm thi sau khi xem xét	Điểm Chênh Lệch	Lý do Thay đổi điểm	Ghi chú
193	Nguyễn Quế Quyết	7143403097	KETO14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	7,1	7,1	0		
194	Hoàng Thị Thanh	7143807039	LUDT14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	5,3	5,5	0,2	Chăm sát ý	
195	Bùi Phương Thảo	7143403102	KETO14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	6,8	6,8	0		
196	Trần Thị Tú	7143403107	KETO14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	6,2	6,2	0		
197	Lê Mạnh Tùng	7133105080	Kế hoạch phát triển 13	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	6,6	6,6	0		
198	Đào Thị Thỏa	7143106151	KTĐN14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	7,5	7,5	0		
199	Đoàn Thị Thanh Thúy	7143106103	TMQT14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	7,3	7,3	0		
200	Ngô Thị Thu Trang	7143112130	PTDL14	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	5,3	5,3	0		
201	Nguyễn Thị Đoan Trang	7143402040	TC14A	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	5,8	5,8	0		
202	Phạm Huyền Trang	7143106108	TMQT14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	4,5	4,5	0		
203	Trần Thị Huyền Trang	7143401102	QTMA14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	6,4	6,4	0		
204	Trịnh Quang Vinh	7143101253	DTDA14	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	4,7	4,7	0		
205	Vũ Lê Giang Vy	7143401103	QTMA14B	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	7,3	7,3	0		
206	Nguyễn Lan Chi	7133402503	13.3	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	4,7	4,7	0		
207	Nguyễn Tuấn Minh	7143106417	KTĐN CLC 14.1	14	Tư tưởng Hồ Chí Minh (THTT02)	Bộ môn Lý luận chính trị	4,1	4,1	0		

28